

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4465**/UBND-KTTH  
V/v báo cáo nhu cầu kinh phí  
thực hiện hỗ trợ tiền điện  
hộ nghèo, hộ chính sách  
xã hội năm 2022

Quảng Ngãi, ngày **07** tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện nội dung Thông tư số 190/BTC-NSNN ngày 11/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội và Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2022 trên địa bàn tỉnh, như sau:

**1. Kinh phí thực hiện hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội năm 2022:**

a) Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022: 24.470 triệu đồng.

*(Chi tiết từng huyện, thị xã, thành phố theo Phụ lục đính kèm Công văn này)*

b) Nguồn kinh phí để thực hiện năm 2022:

- Nguồn bố trí trong cân đối chi ngân sách địa phương (2022-2025) là 17.748 triệu đồng.

- Nguồn kinh phí còn thiếu năm 2022 là 6.722 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn Trung ương bổ sung còn thiếu (80%) là 5.378 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương (20%) là 1.344 triệu đồng.

**2. Kiến nghị, đề xuất:**

Đối với phần kinh phí ngân sách trung ương bổ sung còn thiếu năm 2022 (80%) là 5.378 triệu đồng *(tăng do áp dụng chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025)*, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ cho địa phương để thực hiện chính sách theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- VPUB: CVP, PCVP, KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTHTien400.



**CHỦ TỊCH**

**Đặng Văn Minh**



PHỤ LỤC

KINH PHÍ HỒ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO, HỘ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NĂM 2022

(Kèm theo Công Văn số 4465/UBND-KTTH ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng nhu cầu kinh phí năm 2022	Đã thực hiện 06 tháng đầu năm 2022			Nhu cầu 06 tháng cuối năm 2022			Kinh phí đã bố trí trong năm 2022					Chênh lệch	
			Tổng số hộ được hưởng	Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội	Kinh phí thực hiện	Tổng số hộ được hưởng	Số hộ nghèo	Số hộ chính sách xã hội	Kinh phí thực hiện	Tổng cộng	Năm 2021 chuyển sang năm 2022	Dự toán giao đầu năm/ trong năm/ đối		Bổ sung trong năm
A	B	1	2=3+4	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11=12+13+14	12	13	14	15=1-11
1	TP. Quảng Ngãi	631,29	937	911	26	301,29	1.101	911	190	330,00					
2	Lý Sơn	409,53	621	621		204,93	620	610	10	204,60					
3	Bình Sơn	2.308,00	3.419	2.798	621	1.114,80	3.624	2.798	826	1.193,21					
4	Sơn Tịnh	605,88	878	498	380	289,74	958	498	460	316,14					
5	Từ Nghĩa	651,20	1.217	756	461	325,60	987	756	231	325,60					
6	Nghĩa Hành	1.021,00	1.591	1.146	445	493,99	1.597	1.146	451	527,01					
7	Minh Long	877,80	1.330	1.329	1	438,90	1.330	1.329	1	438,90					
8	Thị xã Đức Phổ	1.320,66	2.013	1.700	313	656,37	2.013	1.700	313	664,29					
9	Trà Bồng	3.992,56	6.049	6.029	20	1.994,74	6.054	6.029	25	1.997,82					
10	Sơn Hà	4.694,58	6.986	6.986		2.305,38	7.240	6.990	250	2.389,20					
11	Sơn Tây	1.929,18	2.923	2.744	179	964,59	2.923	2.744	179	964,59					
12	Mộ Đức	1.935,56	4.246	2.276	1.970	967,78	4.246	2.276	1.970	967,78					
13	Ba Tơ	4.092,35	6.212	5.982	230	2.042,39	6.212	5.982	230	2.049,96					
<b>Tổng cộng</b>		<b>24.469,59</b>	<b>38.422</b>	<b>33.776</b>	<b>4.646</b>	<b>12.100,50</b>	<b>38.905</b>	<b>33.769</b>	<b>5.136</b>	<b>12.369,10</b>	<b>17.748</b>		<b>17.748</b>		<b>6.722</b>